TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2019
V/v "tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Bảo Duy

2. Bà Võ Thị Tiếng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1990; (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 277, tổ 8, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 512/2, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2018, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Phước T do quen biết nhau, sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày

23/3/2016 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn bà Tvà ông T chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông T cờ bạc không quan tâm đến gia đình, bà nhiều lần khuyên và cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình. Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án ông T cũng không có thái độ hàn gắn lại gia đình. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Tyêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Hồng T và ông Nguyễn Phước T không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về T sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Phước T không đến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng:

Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Hội đồng xét xử tiến hành các thủ tục từ khi khai mạc phiên tòa cho đến phần tranh tụng tại phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử; tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông T đúng theo quy định. Do đó, ông T đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Hồng T với ông Nguyễn Phước T do mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Bà Nguyễn Hồng T trình bày không có con chung.

Về T sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Ttrình bày không yêu cầu tòa án giải quyết. Do ông T không có ý kiến về T sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Nguyễn Hồng T với ông Nguyễn Phước T là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân thành phố Ltheo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng T có đơn đề ngày 12/6/2019 xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Toàn bộ quá trình tố tụng giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không thực hiện quyền cũng như không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, không tranh chấp các vấn đề có liên quan trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xét đến. Căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017; khoản 5 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Hồng T và ông Nguyễn Phước T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng T với ông Nguyễn Phước T kết hôn lần thứ nhất trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy trích lục kết hôn số 51/TLKH, ngày 24/12/2018 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L; nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo qui định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Bà Ttrình bày, giữa bà với ông T về thời gian chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nhận thấy, trong cuộc sống chung bà T và ông T đã có phát sinh mâu thuẫn một thời gian dài và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng do ông T cờ bạc không chăm lo cho gia đình và dẫn đến vợ chồng ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có giải thích cho bà Tđể tạo điều kiện cho ông T hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông T. Riêng ông T mặc dù biết bà T xin ly hôn nhưng vẫn không có ý kiến đối với yêu cầu của bà T cho thấy ông T không có quan tâm đến việc hàn gắn gia đình với bà Thảo. Xét thấy, hiện tại quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do thời gian ly thân đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

[5] Ông Nguyễn Phước T không gửi cho tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà T, cũng không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T trong cuộc sống hôn nhân đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của ông, bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục di trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Hồng T.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Hồng T trình bày bà và ông T không có con chung.

[7] Về T sản chung và nợ chung: Do ông T không có ý kiến về T sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này khi nào các bên có phát sinh tranh chấp về T sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Hồng T phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 8 và Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQ14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng T ly hôn với ông Nguyễn Phước T.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Hồng T với ông Nguyễn Phước T không có con chung. Không xem xét.

[3] Về T sản chung và nợ chung: Không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Hồng T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010813, ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Hồng T với ông Nguyễn Phước T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Huỳnh Bích Tuyền